TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------o0o-------

Bản án số:**167**/2022/HNGĐ -ST
Ngày: 18/7/2022
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Bà Trần Xuân Hương***

- Các hội thẩm nhân dân: ***1. Ông Nguyễn Văn Đông***

2. Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: ***Bà Nguyễn Thu Hà*** **-** Cán bộ Toà án nhân dân quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà*: Ông Bùi Bách Thành* - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 64/2022/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXX ngày 14 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N , sinh năm 1984

Trú tại: Số Q phường G, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà)

2. Bị đơn: Anh Bùi Ngọc Q , sinh năm 1984

Trú tại: Số Q phường G, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn, chị Hoàng Thị N trình bày**:

Chị Hoàng Thị N và anh Bùi Ngọc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội ngày 05/7/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không có tiếng nói chung trong gia đình. Vợ chồng thường xuyên cãi vã và xô xát với nhau dẫn tới ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của chị cũng như ảnh hưởng tới việc nuôi dạy con cái. Mặc dù hiện tại vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã ly thân và

cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ năm 2021. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q , đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q .

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi N H , sinh ngày 15/4/2014 và Bùi Hoàng N , sinh ngày 22/11/2016.

Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án xem xét và giải quyết.

- Về công nợ chung: Chị khẳng định không nợ ai và không cho ai vay, nếu sau này phát sinh tranh chấp chị xin tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn anh Bùi Ngọc Q trình bày**:

Theo trích lục từ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 89/2021/HNGĐ0ST ngày 05/02/2021 về việc Tranh chấp ly hôn của Tòa án nhân dân quận Long Biên, ngày sao lục 09/5/2022, anh Q trình bày tại Biên bản lấy lời khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải ngày 06/5/2021 như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Tôi nhất trí với phần trình bày của chị Hoàng Thị N về thời điểm, điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống giữa chúng tôi đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014, nguyên nhân là do chúng tôi không có tiếng nói chung, hay xảy ra bất đồng, xung đột. Đến năm 2018 mâu thuẫn giữa chúng tôi trở nên trầm trọng hơn do chị N thường xuyên lừa dối tôi để đi chơi với bạn bè, tôi nghi ngờ chị N có mối quan hệ với người đàn ông khác, nhưng tôi không có bằng chứng nào. Mặc dù vợ chồng kết hôn nhiều năm nhưng chị N không quan tâm đến gia đình chồng, không điện thoại hỏi thăm đến bố mẹ chồng. Chúng tôi cũng đã cố gắng để hàn gắn tuy nhiên không thành. Nay với yêu cầu xin ly hôn của chị N , tôi cũng đồng ý.

- ***Về con chung:*** Tôi và chị N có 02 con chung là Bùi N H , sinh ngày 15/4/2014 và Bùi Hoàng N , sinh ngày 22/11/2016. Ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con N H và Hoàng N . Tôi không yêu cầu chị N đóng góp cấp dưỡng nuôi con, tôi tự gách vác được việc nuôi con.

Tôi cam đoan ngoài con chung nêu trên chúng tôi không có con đẻ, con nuôi nào khác.

- ***Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và công nợ chung:*** Tôi không yêu cầu Toà án xem xét và giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, triệu tập hợp lệ đối với anh Q , tuy nhiên, anh Q không đến tòa làm việc, không ký, không nhận văn bản tố tụng của tòa án vì cho rằng việc ly hôn là do vợ anh Q đơn phương chứ

anh Q không đồng tình. Anh Q đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật (theo Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2022).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tại phiên toà phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Q vắng mặt, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N và anh Bùi Ngọc Q . Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi N H , sinh ngày 15/4/2014 và Bùi Hoàng N , sinh ngày 22/11/2016. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét. Về tài sản chung của anh chị: do không có tranh chấp, không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Chị Hoàng Thị N khởi kiện vụ án về việc " Tranh chấp ly hôn" đối với bị đơn là anh Bùi Ngọc Q địa chỉ cư trú tại số 21 tổ 4 phường Giang Biên, quận Long Biên, TP. Hà Nội nên việc TAND quận Long Biên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 40 BLTTDS.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ đối với anh Bùi Ngọc Q nhưng anh Q đều vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q theo khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hoàng Thị N và anh Bùi Ngọc Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Việt Hưng năm 2017. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, vợ chồng anh chị chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống thiếu tin tưởng nhau, bất đồng trong cách sống, không ai quan tâm tới ai. Vợ chồng đã làm thủ tục ly hôn năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Long Biên, tuy nhiên chị N rút đơn để vợ chồng có thêm cơ hội hòa giải với nhau. Mặc dù đã rút đơn nhưng vợ chồng chị N và anh Q không đoàn tụ được mà ly thân từ năm 2021 đến nay. Theo trích lục hồ sơ ngày 09/5/2022 và biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2022, anh Q nhất trí ly hôn với chị N , tuy nhiên dù đã được tống đạt hợp lệ thông báo

đến Tòa án đến làm việc nhưng anh Q đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị N và anh Q như vậy là có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị N làm đơn xin ly hôn với anh Q là có căn cứ, là nguyện vọng chính đáng, phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là Bùi N H , sinh ngày 15/4/2014 và Bùi Hoàng N , sinh ngày 22/11/2016. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị Q , giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có yêu cầu khác.

* Về tài sản chung: các đương sự không có yêu cầu và tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

* Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điển 2 khoản 1 điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N

Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Bùi Ngọc Q

2. Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là Bùi N H , sinh ngày 15/4/2014 và Bùi Hoàng N , sinh ngày 22/11/2016.

Giao chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Bùi N H và Bùi Hoàng N . Tạm hoãn việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Anh Q được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu, Toà án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0064977 ngày 23/3/2022 tại Chị cục thi hành án quận Long Biên. Nay chuyển thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm.

Chị N , anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND Tp. Hà Nội
-VKSND q. Long Biên
-Chi cục THADS q. Long Biên
-UBND p Việt Hưng - Long Biên - Hà Nội.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Trần Xuân Hương